

Số: 163/2023/QĐST-HNGĐ

Quận 5, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Vũ Công T, sinh năm: 1956

- Bà Vũ Ngọc D, sinh năm: 1959

Cùng địa chỉ: 13.11 Lầu 13, Lô A, Chung cư NB, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn;

[2] Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D đã thỏa thuận được với nhau về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác.

Cụ thể:

Về con chung: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D có 02 người con chung tên Vũ Ngọc Hoàng A (nữ), sinh ngày: 24/09/1984 và tên Vũ Công N (nam), sinh ngày: 27/03/1994; Các con đã trưởng thành sống chung với ai tùy ý.

Về tài sản chung: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D thỏa thuận như sau:

Giao cho bà Vũ Ngọc D 06 (sáu) bất động sản, gồm:

1. Căn nhà: Đường L, Phường C, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 25888/2001 ngày 08/11/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định đổi số nhà 5379/QĐ-UB ngày 17/07/2002 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

Giấy phép xây dựng số 204/GPXD-UB ngày 23/02/2003 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 222/BB-UB ngày 02/6/2004 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Căn nhà: Đường Đ, Phường S, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1834/2003 ngày 02/06/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh cấp.

Quyết định đổi số nhà 27644/QĐ-UB ngày 05/03/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh cấp.

Giấy phép xây dựng số 781/GPXD-UB ngày 23/5/2003 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

3. Đất ở: Lô A15, khu IV BH, Phường E, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí phân lô số 43546/GĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 21/10/2013.

Thửa đất số: 1489 Tờ bản đồ số: 12

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA063468 ngày 16/04/2015 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh cấp.

4. Đất ở: Số 21 Đường V, khu phố K, Phường BC, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thửa đất số: 38-1434 Tờ bản đồ số: 6

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01354/7B/QSDD/4418/UB ngày 15/12/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

5. Đất ở: Thửa đất số 66-675 đường TN, Phường AK (tên cũ: Phường Y), Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00151/1B /QSDD/4805/UB ngày 29/12/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

6. Đất ở: Thửa đất số 67-675 đường TN, Phường AK (tên cũ: Phường Y), Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00085/1B/QSDD/2637/UB ngày 16/11/1999 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Bà Vũ Ngọc D được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt và liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng bộ (sang tên) sau khi nhận 06 (sáu) bất động sản nêu trên.

Bà Vũ Ngọc D không phải hoàn trả bất cứ khoản tiền nào lại cho ông Vũ Công T khi nhận 06 (sáu) bất động sản nêu trên.

Giao cho ông Vũ Công T 07 (bảy) bất động sản, gồm:

1. Căn nhà: Đường Z, Phường R, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 734/2002 ngày 17/01/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép xây dựng số 136/GPXD-UB ngày 14/01/2002 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 473/BB-UB ngày 13/9/2002 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Căn nhà: Đường BK, Phường P, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3398/2002 ngày 05/02/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 08/05/2007.

Giấy chứng nhận số nhà số 2707/CN-UBND ngày 13/4/2012 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp.

3. Đất ở: Số 33 Đường V, khu phố K, Phường BC, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P097306 ngày 13/07/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 20/07/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Quyết định cấp số nhà số 138/QĐ-UBND-CSN ngày 17/02/2012 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp.

4. Đất ở: Số 35 Đường V, khu phố K, Phường BC, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L557861 ngày 17/10/1998 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 02/10/2014.

Giấy chứng nhận số nhà số 1887/UBND-CN ngày 30/9/2015 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp.

Giấy phép xây dựng số 1213/GPXD ngày 08/5/2015 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp.

5. Căn hộ: 13.11 Lầu 13, Lô A, Chung cư NB, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 972744 ngày 24/10/2011 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp.

6. Đất ở: thửa số 203-834, Tờ bản đồ số 38 (tài liệu năm 2001), phường TA, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 018229 ngày 07/12/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 14/07/2014.

7. Đất ở: thửa số 502-416, Tờ bản đồ số 10, xã I, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 593957 ngày 14/07/2003 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 12/04/2007

Ông Vũ Công T được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt và liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng bộ (sang tên) sau khi nhận 07 (bảy) bất động sản nêu trên.

Ông Vũ Công T không phải hoàn trả bất cứ khoản tiền nào lại cho bà Vũ Ngọc D khi nhận 07 (bảy) bất động sản nêu trên.

Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 05 (năm) bất động sản liệt kê sau đây:

1. Đất ở: nền mã số Q24, Tiểu khu 2, khu dân cư BTĐ, xã TĐ, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – phân lô để lập Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất làm nhà ở số 16592/GĐ-TNMT được Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 14/4/2007.

Đất ở: 252,5 m².

Hiện có Hợp đồng đặt cọc v/v chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở và nhà ở số 216/HĐCN/BTĐ-2008 ngày 29/4/2008.

2. Căn nhà: số C3/34B4 PH, ấp Q, xã I, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đất ở: 116,2 m² (1/2 bên trái - theo hướng từ đường C3 nhìn vào - của thửa đất số 70, Tờ bản đồ số 15) – Hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng.

Thửa đất số: 70 Tờ bản đồ số: 15

Theo Phiếu công khai Thông tin nhà – đất do Liên đoàn địa chất thủy văn – địa chất công trình Miền Nam lập năm 2006.

3. Đất ở: Lô R32, khu dân cư GH, đường XH, Phường U, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí phân lô số 39813/GĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 18/8/2010.

Đất ở: 210 m².

Thửa đất số: 226 Tờ bản đồ số: 70 (Theo tài liệu đo năm 2003)

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB971538 ngày 03/11/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng-Kinh doanh nhà Gia Hòa.

Hiện có: Biên bản bàn giao bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số biên bản 167/BBBG/2014 ngày 18/7/2014 giữa Công ty TNHH Xây dựng-Kinh doanh nhà Gia Hòa và ông Vũ Công T; Hợp đồng bán nhà trả góp số 102/HĐBN-GH-08 ngày 12/8/2008 giữa Công ty TNHH Xây dựng-Kinh doanh nhà Gia Hòa và ông Vũ Công T.

4. Căn hộ: 73/2/3 (trệt) HV, Phường F, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 33,14 m² (tầng số 1)

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 13946/2001 ngày 17/07/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 04/03/2002.

5. Căn hộ: 73/2/3 (trước) HV, Phường F, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 34,8 m² (tầng số 1)

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 11404/98 ngày 22/09/1998 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 04/11/1998.

Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận của ông T và bà D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D có 02 người con chung tên Vũ Ngọc Hoàng A (nữ), sinh ngày: 24/09/1984 và tên Vũ Công N (nam), sinh ngày: 27/03/1994; Các con đã trưởng thành sống chung với ai tùy ý.

Về tài sản chung: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D thỏa thuận như sau:

Giao cho bà Vũ Ngọc D 06 (sáu) bất động sản, gồm:

1. Căn nhà: Đường L, Phường C, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 25888/2001 ngày 08/11/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định đổi số nhà 5379/QĐ-UB ngày 17/07/2002 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

Giấy phép xây dựng số 204/GPXD-UB ngày 23/02/2003 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 222/BB-UB ngày 02/6/2004 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Căn nhà: Đường Đ, Phường S, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1834/2003 ngày 02/06/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh cấp.

Quyết định đổi số nhà 27644/QĐ-UB ngày 05/03/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh cấp.

Giấy phép xây dựng số 781/GPXD-UB ngày 23/5/2003 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

3. Đất ở: Lô A15, khu IV BH, Phường E, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí phân lô số 43546/GĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 21/10/2013.

Thửa đất số: 1489 Tờ bản đồ số: 12

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA063468 ngày 16/04/2015 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh cấp.

4. Đất ở: Số 21 Đường V, khu phố K, Phường BC, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thửa đất số: 38-1434 Tờ bản đồ số: 6

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01354/7B/QSDĐ/4418/UB ngày 15/12/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

5. Đất ở: Thửa đất số 66-675 đường TN, Phường AK (tên cũ: Phường Y), Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00151/1B /QSDĐ/4805/UB ngày 29/12/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

6. Đất ở: Thửa đất số 67-675 đường TN, Phường AK (tên cũ: Phường Y), Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00085/1B/QSDĐ/2637/UB ngày 16/11/1999 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Bà Vũ Ngọc D được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt và liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng bộ (sang tên) sau khi nhận 06 (sáu) bất động sản nêu trên.

Bà Vũ Ngọc D không phải hoàn trả bất cứ khoản tiền nào lại cho ông Vũ Công T khi nhận 06 (sáu) bất động sản nêu trên.

Giao cho ông Vũ Công T 07 (bảy) bất động sản, gồm:

1. Căn nhà: Đường Z, Phường R, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 734/2002 ngày 17/01/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép xây dựng số 136/GPXD-UB ngày 14/01/2002 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp.

Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 473/BB-UB ngày 13/9/2002 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Căn nhà: Đường BK, Phường C, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3398/2002 ngày 05/02/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 08/05/2007.

Giấy chứng nhận sổ nhà số 2707/CN-UBND ngày 13/4/2012 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp.

3. Đất ở: Số 33 Đường V, khu phố K, Phường BC, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P097306 ngày 13/07/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 20/07/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Quyết định cấp sổ nhà số 138/QĐ-UBND-CSN ngày 17/02/2012 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp.

4. Đất ở: Số 35 Đường V, khu phố K, Phường BC, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L557861 ngày 17/10/1998 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 02/10/2014.

Giấy chứng nhận sổ nhà số 1887/UBND-CN ngày 30/9/2015 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp.

Giấy phép xây dựng số 1213/GPXD ngày 08/5/2015 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp.

5. Căn hộ: 13.11 Lầu 13, Lô A, Chung cư NB, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 972744 ngày 24/10/2011 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp.

6. Đất ở: thửa số 203-834, Tờ bản đồ số 38 (tài liệu năm 2001), phường TA, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 018229 ngày 07/12/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 14/07/2014.

7. Đất ở: thửa số 502-416, Tờ bản đồ số 10, xã I, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 593957 ngày 14/07/2003 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 12/04/2007

Ông Vũ Công T được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt và liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng bộ (sang tên) sau khi nhận 07 (bảy) bất động sản nêu trên.

Ông Vũ Công T không phải hoàn trả bất cứ khoản tiền nào lại cho bà Vũ Ngọc D khi nhận 07 (bảy) bất động sản nêu trên.

Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 05 (năm) bất động sản liệt kê sau đây:

1. Đất ở: nền mã số Q24, Tiểu khu 2, khu dân cư BTĐ, xã TĐ, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – phân lô để lập Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất làm nhà ở số 16592/GĐ-TNMT được Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 14/4/2007.

Đất ở: 252,5 m².

Hiện có Hợp đồng đặt cọc v/v chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở và nhà ở số 216/HĐCN/BTĐ-2008 ngày 29/4/2008.

2. Căn nhà: số C3/34B4 PH, ấp Q, xã I, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đất ở: 116,2 m² (1/2 bên trái - theo hướng từ đường C3 nhìn vào - của thửa đất số 70, Tờ bản đồ số 15) – Hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng.

Thửa đất số: 70 Tờ bản đồ số: 15

Theo Phiếu công khai Thông tin nhà – đất do Liên đoàn địa chất thủy văn – địa chất công trình Miền Nam lập năm 2006.

3. Đất ở: Lô R32, khu dân cư GH, đường XH, Phường U, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí phân lô số 39813/GĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 18/8/2010.

Đất ở: 210 m² .

Thửa đất số: 226 Tờ bản đồ số: 70 (Theo tài liệu đo năm 2003)

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB971538 ngày 03/11/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng-Kinh doanh nhà Gia Hòa.

Hiện có: Biên bản bàn giao bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số biên bản 167/BBBG/2014 ngày 18/7/2014 giữa Công ty TNHH Xây dựng-Kinh doanh nhà Gia Hòa và ông Vũ Công T; Hợp đồng bán nhà trả góp số 102/HĐBN-GH-08 ngày 12/8/2008 giữa Công ty TNHH Xây dựng-Kinh doanh nhà Gia Hòa và ông Vũ Công T.

4. Căn hộ: 73/2/3 (trệt) HV, Phường F, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 33,14 m² (tầng số 1)

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 13946/2001 ngày 17/07/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 04/03/2002.

5. Căn hộ: 73/2/3 (trước) HV, Phường F, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 34,8 m² (tầng số 1)

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 11404/98 ngày 22/09/1998 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cập nhật biến động ngày 04/11/1998.

Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Công T và bà Vũ Ngọc D là người trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án về giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi Cục THADS Quận 5;
- UBND Phường 7, Quận 5

THẨM PHÁN

(GCNKH số 62, ngày 17/11/1983);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

Lâm Thanh Tiên